

Số: /KH-BDT

Thanh Hóa, ngày tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan Ban Dân tộc năm 2021

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết của Chính phủ về Chính phủ điện tử đã được ban hành theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;
- Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025”;
- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;
- Quyết định số 3089/QĐ-UBND, ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 1.0;
- Kế hoạch số 163/KH-UBND, ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025”.
- Kế hoạch số 562/KH-BDT ngày 16/9/2020 của Ban Dân tộc về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ban Dân tộc giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động của Ban, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn, gắn kết, thúc đẩy cải cách hành chính, đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, công sở điện tử; phát triển hạ tầng kỹ thuật, các

hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đổi mới lề lối, phương thức làm việc của cán bộ, công chức.

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng dân tộc thiểu số với các địa bàn trong cả nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chủ động phòng chống các tình huống gây mất an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Phát triển hệ thống thông tin quy mô cấp cơ quan Ban góp phần xây dựng chung nền tảng phát triển Chính phủ điện tử của tỉnh Thanh Hóa; tích hợp, kết nối hệ thống thông tin, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước; ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động cơ quan Ban nhằm tăng hiệu quả trong công tác và tiết kiệm chi phí hoạt động; duy trì, nâng cấp hạ tầng, thiết bị và các hệ thống thông tin bảo đảm an toàn thông tin mạng của cơ quan Ban.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động và ứng dụng CNTT phát huy hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong cơ quan gắn với cải cách hành chính, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình hình mới.

- Duy trì hệ thống mạng nội bộ, máy tính cá nhân và các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động và an toàn và an ninh thông tin mạng của cơ quan.

- Đảm bảo 100% công chức được tập huấn cập nhật các ứng dụng CNTT đáp ứng phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; 100% công chức thường xuyên sử dụng hộp thư công vụ trong công việc; 100% văn bản trình Lãnh đạo Ban phê duyệt và 100% văn bản trao đổi giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (trừ văn bản mật) dưới dạng điện tử, sử dụng chữ ký số.

- Duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử cơ quan.

- Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

IV. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Tiếp tục rà soát, tham mưu bổ sung ban hành, điều chỉnh kịp thời các văn bản về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin tại Ban; Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành trong tỉnh rà soát, đề nghị bổ sung các văn bản pháp luật theo quy định để hoàn thiện cơ sở pháp lý và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Đầu tư, bổ sung, thay thế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật (máy chủ, máy trạm, mạng máy tính, hệ thống bảo mật, an ninh mạng, phần mềm bản quyền...) bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan.

- Tiếp tục triển khai, sử dụng chữ ký số cá nhân trong giải quyết hồ sơ công việc, TTHC vào hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan (đảm bảo 100% văn bản phát hành được ký số).

- Triển khai sử dụng phòng họp không giấy để từ rút ngắn thời gian và chi phí in ấn tài liệu.

- Phối hợp với các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin để đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan Ban.

3. Phát triển dữ liệu

- Áp dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

- Nâng cấp, duy trì, đảm bảo Trang thông tin điện tử Ban Dân tộc cung cấp đầy đủ thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử; kết nối Trang thông tin điện tử của Ban với Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh và các sở, ngành;

- Triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện, bảo đảm khả năng kết nối hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa với cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet, bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục hành chính.

- Rà soát cập nhật đầy đủ kịp thời danh mục thủ tục hành chính; phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính 9 qua dịch vụ bưu chính công ích; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho người dân và doanh nghiệp .

4. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Thanh hóa về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

- Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin luôn được trú trọng; xây dựng các hệ thống giám sát, sao lưu dữ liệu... đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin được giao quản lý.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

- Cập nhật quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở; hoàn thành và áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan. - Rà soát, cập nhật, trình phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương

án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, đơn vị; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo và cử cán bộ phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

V. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về ứng dụng CNTT nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức thành hành động trong cán bộ, công chức; tạo phong cách làm việc dựa trên văn bản, tài liệu điện tử trên môi trường mạng.

- Chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước do Ban quản lý. Ban hành các quy định về cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin trong cơ quan Ban.

- Phát huy mạnh mẽ hơn nữa sự tham gia trực tiếp của Lãnh đạo Ban, vai trò của Trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ban trong việc đưa ứng dụng CNTT vào phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 và Kế hoạch 210/KH-UBND ngày 11/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng các công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, phục vụ xây dựng kinh tế-xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025.

- Tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng dân tộc thiểu số với các địa bàn trong tỉnh và cả nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

- Duy trì hiệu quả hoạt động của trang thông tin điện tử Ban. Đảm bảo số lượng tin, bài cập nhật hằng tháng trên cổng thông tin của Ban theo đúng theo quy định; trả lời đầy đủ các câu hỏi hợp lệ trên Chuyên mục Hỏi - Đáp.

- Duy trì sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử phục vụ quản lý, điều hành và phục vụ nhu cầu của người dân, doanh

nghiệp. Thường xuyên cập nhật thông tin, quy trình về dịch vụ công trực tuyến của Ban trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Tiếp tục triển khai phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông; triển khai dịch vụ hành chính công ở mức độ cao, liên thông, tích hợp với các phần mềm chuyên ngành.

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai tiếp nhận thủ tục hành chính và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Cập nhật, kịp thời phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin của Chính phủ, của UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc. Xây dựng hành lang pháp lý để gắn việc cải cách hành chính với ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng các quy chế, quy định trong việc quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng các phần mềm chuyên ngành.

- Thực hiện chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ; ban hành các văn bản, quy chế về việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ban hành các quy định và tiêu chuẩn cụ thể về việc sử dụng CNTT đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng CNTT; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống CNTT làm nền tảng; Đảm bảo nguồn kinh phí ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án về ứng dụng và phát triển CNTT. Bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp cho sự nghiệp CNTT.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.

- Ứng dụng công nghệ thông tin góp phần thực hiện giải quyết các quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin của Ban, an toàn, bảo mật thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành của Ban (năm 2021 và các năm tiếp theo).

- 100% văn bản gửi, nhận (trừ văn bản mật) trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành sử dụng ký số cơ quan; Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử được sử dụng chữ ký số của cơ quan và chữ ký số của cá nhân

- Rút ngắn từ 50% - 80% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống phòng họp không giấy tờ giữa các phòng, đơn vị, Sở, ban, ngành, huyện, thị, thành phố.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của Ban đạt từ 100% trở lên.

- Đảm bảo Trang thông tin điện tử Ban Dân tộc cung cấp đầy đủ thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; kết nối Trang thông tin điện tử của Ban với Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh và các sở, ngành (năm 2021 và các năm tiếp theo).

- Cập nhật thông tin dữ liệu thống kê công tác dân tộc và duy trì các ứng dụng CNTT phục vụ truy xuất, chia sẻ, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin liên quan đến công tác dân tộc.

- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số và cán bộ làm công tác dân tộc; Tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tìm kiếm, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 do các cơ quan nhà nước cung cấp; phối hợp tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh và nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các sở, ngành, địa phương; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ban

- Chủ trì tổ chức, phối hợp với các phòng, đơn vị trong cơ quan triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, thẩm định kỹ thuật và đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; đề xuất các giải pháp cụ thể để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình lãnh đạo Ban phê duyệt, chỉ đạo thực hiện.

- Tăng cường vai trò tham mưu, quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của lĩnh vực công tác dân tộc. Hỗ trợ người sử dụng trong các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử của Ban Dân tộc đảm bảo an toàn thông tin.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc để xem xét, tháo gỡ.

2. Các phòng, đơn vị thuộc Ban

- Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ban trong việc triển khai Kế hoạch này. Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của phòng, đơn vị đạt hiệu quả cao. Cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về hoạt động, chuyên môn nghiệp vụ trên Trang thông tin điện tử của Ban.

- Thực hiện rà soát, công bố thủ tục hành chính mới, bổ sung, bãi bỏ thuộc lĩnh vực quản lý, giải quyết theo quy định.

IX. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Lãnh đạo Ban (để b/c);
- Các phòng chuyên môn thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Mai Xuân Bình